TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHỤNG HIỆP** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30-5-2024
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Quyến

Ông Nguyễn Văn Dương

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Công Trận – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 03 năm 2024, về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2024/QĐST-HNGD ngày 15 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị S, sinh năm 1978; Địa chỉ: ấp Q, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1977; Địa chỉ: Địa chỉ: ấp Q, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị S trình bày: Về quan hệ hôn nhân bà Phạm Thị S và ông Nguyễn Văn D có quen biết và sau một thời gian tìm hiểu rồi tiến tới hôn nhân năm 2000 đồng thời thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Trong thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2020 bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn do hai người không còn hợp nhau và không còn tiếng nói chung

trong thời gian dài làm cho hôn nhân không hạnh phúc nên đã ly thân cho đến nay. Do mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Phạm Thị S xin ly hôn với ông Nguyễn Văn D; Về con chung, trong thời kì hôn nhân bà S có hai con chung với ông D gồm Nguyễn Thị Cẩm Y, sinh năm 2001 (giới tính nữ) và Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 16/9/2011 (giới tính nữ), hiện các con chung đang được bà trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu cấp dưỡng, đối với cháu Y đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn D được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày trong vụ án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Phạm Thị S và ông Nguyễn Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Khi mâu thuẫn xảy ra không thể hàn gắn được nên bà S xin ly hôn với ông D, để tạo điều kiện cho cả hai hàn gắn hôn nhân, Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, bà S vẫn giữ yêu cầu ly hôn với ông D. Bà S xác định không còn tình cảm với ông D và không mong muốn hàn gắn hôn nhân. Trong khi, ông D được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt, điều đó chứng tỏ ông D cũng không mong muốn gặp gỡ bà S để hàn gắn hôn nhân. Xét quan hệ hôn nhân giữa bà S và ông D mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị S với ông Nguyễn Văn D được chấp nhận.

[4] Về con chung: Nguyên đơn bà Phạm Thị S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 16/9/2011 (giới tính nữ) và bị đơn ông Nguyễn Văn D không có văn bản nêu ý kiến về con chung. Trong khi đó, cháu Nguyễn Thị Yến N có văn bản trình bày được sống chung với bà S. Theo

quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 *"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con". Bên cạnh, trong thời gian xảy ra mâu thuẫn đến nay bà S là người trực tiếp nuôi con chung và không có chứng cứ thể hiện bà S vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con chung. Để giữ môi trường sống ổn định cho con chung cũng như đã phân tích nêu trên. Xét yêu cầu nuôi con chung của bà S có cơ sở được* Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với con chung Nguyễn Thị Cẩm Y đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung, đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144 và Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 9, 53, 56, 57, 81, 82, 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội khoá 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Phạm Thị S được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Văn D.

2. Về con chung: Bà Phạm Thị S được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 16/9/2011 (giới tính nữ), ông Nguyễn Văn D chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung, do chưa yêu cầu.

Danh quyền trông nom, chăm sóc con chung cho ông Nguyễn Văn D, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà Phạm Thị S phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006531 ngày 11 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp thành án phí.

5. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Phụng Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Phụng Hiệp;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân nơi thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Hiếu